

Bản án số: 52/2019/DS-PT

Ngày: 18/4/2019

V/v Tranh chấp thừa kế QSD đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Tống Văn Viên

*Các Thẩm phán:*

Ông Lê Văn Việt

Ông Huỳnh Đắc Đương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Thạch Huỳnh Liêm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- ***Đ diện Viên kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh:*** Ông Thạch Vũ, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 18 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/TLPT-DS ngày 22/01/2018 về việc “*Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2017/DS-ST, ngày 16/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh TV bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2019/QĐ-PT ngày 19 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1960 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp TânĐ, xã Hiếu Tử, huyện Tiểu cần, tỉnh Trà Vinh

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1958, chết ngày 07/4/2018

*Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đ:*

- Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1965 (Có mặt)

- Chị Huỳnh Ngọc Đ, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

- Anh Huỳnh Tấn Ph, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

- Chị Huỳnh Ngọc H, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ tại: ấp TĐ, xã HT, huyện TC, tỉnh TV.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1965

- Anh Huỳnh Tấn Đ, sinh năm 1984, (Chết ngày 29/6/2018). Người thừa

kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của anh Đ có bà Trần Thị L, sinh năm 1984

- Chị Huỳnh Ngọc Đ, sinh năm 1986 (Vắng mặt)
- Anh Huỳnh Tân Ph, sinh năm 1988 (Vắng mặt)
- Chị Huỳnh Ngọc H, sinh năm 1990 (Vắng mặt)
- Anh Huỳnh Văn G, sinh năm 1974 (Có mặt)
- Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1955 (Có mặt)
- Ông Huỳnh Văn M, sinh năm 1948. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ tại: ấp TĐ, xã HT, huyện TC, tỉnh TV.

- Bà Huỳnh Thị H V, sinh năm 1967. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Ch, xã HT, huyện TC, tỉnh TV

- Anh Huỳnh Văn S, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn TC, huyện TC, tỉnh TV.

- Chị Huỳnh Thị Thu Th, sinh năm 1977,

Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện CB, tỉnh TG.

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1958 (Vắng mặt)

- Chị Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1980. (Vắng mặt)

- Chị Nguyễn Thị Cẩm Nh, sinh năm 1982. (Vắng mặt)

- Anh Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1983. (Vắng mặt)

- Anh Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1986. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp TĐ, xã HT, huyện TC, tỉnh TV.

- Trung tâm mạng lưới Mobiphone Miền Mam thuộc Tổng công ty Viễn

Thông Mobiphone

Địa chỉ: MM18 Trường Sơn, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: ông Huỳnh Xuân D, chức vụ Giám đốc mạng lưới Mobiphone Miền Mam

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Xuân D là ông Dương Hoàng Th, chức vụ: Phó Đài VT Tiền Giang - Trung tâm mạng lưới Mobiphone Miền Mam. (Có mặt)

- Ủy ban nhân dân huyện TC do ông Trần Hoàng Kh chức vụ Chủ tịch UBND huyện TC làm đại diện. (Vắng mặt)

4. *Người kháng cáo:* Bà Huỳnh Thị H là nguyên đơn trong vụ án.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 01 năm 2016 và đơn sửa đổi bổ sung ngày 09/7/2016 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Huỳnh Thị H trình bày:*

Cụ Huỳnh Văn Ú ( chết năm 1997) và cụ Võ Thị D (chết 2004) có 06 người con chung gồm:

Ông Huỳnh Văn X (hi sinh chưa có vợ con).

Ông Huỳnh Văn Tr (chết năm 1974) có vợ là Huỳnh Thị Ph và 03 con tên Huỳnh Thị H V, Huỳnh Văn S và Huỳnh Văn G.

Ông Huỳnh Văn Đ (hi sinh chưa có vợ con)

Ông Huỳnh Văn L, sinh 1955.

Ông Huỳnh Văn Đ, sinh 1959

Bà Huỳnh Thị H, sinh 1960

Cha mẹ khi còn sống có tạo lập được tất cả 47 công đất, đã chia cho ông Huỳnh Văn Tr 10 công, ông Huỳnh Văn L khoản 12 công, phần còn lại 25 công trong đó 20 công thì ông Huỳnh Văn Đ đang quản lý sử dụng, hiện nay bà đang quản lý khoản 05 công và khuôn viên quanh nhà 765m<sup>2</sup> cộng với bờ bao ngăn trên 01 công đất. Nay bà yêu cầu chia theo pháp luật đối với phần đất ông Đ đang quản lý gồm:

Thửa đất số 854, tờ bản đồ số 8 diện tích 10.012 m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp TĐ, xã HT, huyện TC, tỉnh TV, diện tích đất này nay thuộc các thửa 476, 611, 610 do con ông Đ là Huỳnh Tấn Ph, Huỳnh Ngọc Đ và Huỳnh Ngọc H đứng tên quyền sử dụng.

Thửa đất số 898, tờ bản đồ số 8 diện tích 4.290 m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp TĐ, xã HT, huyện TC, tỉnh TV có vòng bờ bao ngăn diện tích 1.040m<sup>2</sup> trên phần này có 30 cây dừa.

Thửa đất số 901, tờ bản đồ số 8 diện tích 2.160 m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp TĐ, xã HT, huyện TC, tỉnh TV, thửa đất này ông Đ cho Trung tâm mạng lưới MobiFone Miền Nam thuê xây dựng ăng - ten.

Thửa đất số 37 diện tích 2.110 m<sup>2</sup> và thửa số 38 diện tích 2.840m<sup>2</sup> cùng tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp Cây Hẹ, xã Phú Cần, huyện TC, tỉnh TV.

Thửa đất số 52 diện tích 3.080m<sup>2</sup> tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp Cây Hẹ, xã Phú Cần, huyện TC, tỉnh TV.

Tiền nhà nước bồi hoàn số tiền 86.429.400 đồng.

Như vậy tổng cộng tài sản cha mẹ chết để lại gồm khoảng 25 công đất và 86.429.400đồng bà yêu cầu chia đôi theo pháp luật giữa bà với ông Huỳnh Văn Đ. Đồng thời bà yêu cầu Tòa án buộc Tổng công ty Viễn thông MobiPhone tháo dỡ ăng ten trả đất lại cho bà vì đất này tranh chấp từ năm 2007 đến nay.

*Theo lời khai của bị đơn Ông Huỳnh Văn Đ tại Tòa án nhân dân huyện TC và trong quá trình tham gia tố tụng Bà Trần Thị Ngọc HĐ diện cho những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đ trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà Huỳnh Thị H về quan hệ huyết thống cha, mẹ là Cụ Huỳnh Văn U (chết năm 1997) và cụ Võ Thị D (chết 2004) có 06 người con chung như bà H trình bày là đúng. Cha mẹ khi còn sống có tạo lập được tất cả 47 công đất, đã chia cho ông Huỳnh Văn Tr 12,5 công, đất tọa lạc tại xã Hiếu Tử, huyện TC, ông Huỳnh Văn L khoảng trên 12 công, phần còn lại 22,5 công do gia đình ông Đ quản lý sử dụng. Đất này ông Đ sử dụng ổn định từ năm 1991 đến nay, nay bà H không thống nhất theo yêu cầu của bà Huỳnh Thị H đòi chia thừa kế phần đất này theo pháp luật. Phần tiền bồi hoàn do công trình đi qua không thuộc phần đất của cha mẹ để lại, nay bà H không đồng ý chia theo yêu cầu của bà H. Trên*

thừa đất có căn nhà tình nghĩa nhà nước cấp cho cha, mẹ, bà đồng ý không yêu cầu chia và đồng ý giao cho bà H được hưởng, không tranh chấp.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn L trình bày:* Ông là anh của ông Đ, cha mẹ ông có 06 người con như bà H và bà H trình bày là đúng. Lúc cha mẹ còn sống đã chia đất cho các anh, chị, em, chỉ có bà H là nữ không được chia, sau này ông có nghe bà H nói mẹ ông là cụ Võ Thị D để lại di chúc chia toàn bộ nhà đất hiện đang tranh chấp cho Hồng được hưởng, lúc lập di chúc thì ông không có chứng kiến. Nay ông không yêu cầu chia mà để lại cho bà H và ông Đ tự phân chia giải quyết.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Hồng V, anh Huỳnh Văn S và anh Huỳnh Văn G cùng có lời khai:* Đất đang tranh chấp là của ông bà nội, ông nội là cụ Huỳnh Văn U, bà nội là cụ Võ Thị D chết có để lại tài sản anh chị em chúng tôi có phần hưởng rồi. Nay anh, chị em chúng tôi không yêu cầu chia mà để lại cho bà H và ông Đ tự giải quyết phân chia với nhau.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn M trình bày:* Năm 1999 ông có nhận cầm 05 công đất của vợ chồng Bà Huỳnh Thị H có làm giấy tay với giá 30 chỉ vàng 24k trong thời hạn 04 năm thì bà H chuộc lại. Nếu đến thời hạn mà không chuộc lại đất thì ông được quyền canh tác tiếp cho đến khi có vàng chuộc lại, đất này thuộc 02 thửa 37 và 38 tọa lạc tại ấp Cây Hẹ, xã Phú Cần. Vào năm 2003 ông cho cháu vợ là Trần Thị Đ canh tác và sử dụng 05 công đất ruộng cho đến nay. Nay ông không yêu cầu bà H trả lại 30 chỉ vàng 24kra cầm đất ruộng và không có yêu cầu gì về việc tranh chấp giữa bà H với ông Đ.

*Đại diện công ty Viễn thông MobiFone ông Nguyễn Văn Giữ trình bày:* Với tư cách là đơn vị có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm mạng lưới Miền Nam thuộc tổng công ty Viễn thông MobiFone kiến nghị Tòa án nhân dân huyện TC giải quyết không thực hiện di dời trụ điện và đường dây điện trạm thu sóng di động đặt tại phần đất của ông Huỳnh Văn Đ trong thời gian chờ xét xử. Sau khi có kết quả xét xử, Trung tâm mạng lưới miền nam thuộc tổng công ty Viễn thông MobiFone sẽ tuân thủ theo phán quyết của Tòa án.

*Đại diện UBND huyện TC: Ông Trần Hoàng Kh - chức vụ Chủ tịch UBND huyện TC có đơn xin vắng mặt nhưng có văn bản nêu ý kiến như sau:* Đối với nội dung bà Huỳnh Thị H yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Bà Trần Thị Ngọc H, anh Huỳnh Tấn Đ, anh Huỳnh Tấn Ph, chị Huỳnh Ngọc H, chị Huỳnh Ngọc Đ tại các thửa 474, 610, 611, 898, 901 tờ bản đồ số 08 đất tọa lạc tại ấp TĐ, xã HT, huyện TC, tỉnh TV và thửa đất số 05, 37, 38, 225 tờ bản đồ số 05 đất tọa lạc tại ấp Cây Hẹ, xã Phú Cần, huyện TC, tỉnh TV thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TC không đồng ý, vì việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho những người sử dụng đất trên được thực hiện qua hình thức biến động đất đai trên cơ sở các hợp đồng tặng cho, chuyển quyền sử dụng đất đã được công chứng, chứng thực đúng theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2010/DSST ngày 21-7-2010 của Tòa án nhân dân huyện TC đã xử:

Áp dụng khoản 5 Điều 25, Điều 33, Điều 35, khoản 1 Điều 131 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 652, 656, 674, 675, 676 và Điều 677 của Bộ luật dân sự

Áp dụng Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án số: 10/2009/PL - UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Tuyên xử: Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu chia nhà đất theo tờ di chúc lập ngày 10 - 4 - 2001 của cụ Võ Thị D để lại cho bà H.

Tuyên bố tờ di chúc cụ Võ Thị D lập ngày 10 - 4 - 2001 là không hợp pháp.

Chia quyền sở hữu căn nhà tình nghĩa diện tích ngang 4,2m dài 8,6m (loại nhà nền lót gạch tàu, máy lợp tol, không trần) được Nhà nước hỗ trợ xây dựng cho Cụ D vào năm 2001 cho Bà Huỳnh Thị H được hưởng.

Công nhận cho bà Huỳnh Thị H được quyền sở hữu căn nhà sau ngang 6,7m dài 8,2m (loại nhà cột bê tông đúc sẵn, gạch có một phần móng, vách lá, máy trước xây tường, máy lá, nền đất) và quyền sử dụng phần diện tích đất 354m<sup>2</sup> (nằm 01 phần của phần F theo sơ đồ khu đất) tính từ mí nhà nghĩa trở vào giáp kênh nằm 01 phần trong thửa 898, tờ bản đồ 8, tọa lạc tại ấp TĐ, xã HT, huyện TC, tỉnh TV và nhà vệ sinh, cây trái hoa màu trên đất.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về tứ cận của diện tích đất 354m<sup>2</sup>, tuyên án phí, lệ phí khảo sát, đo đạc và tuyên quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30-7-2010, bà Huỳnh Thị H làm đơn kháng cáo không đồng ý án sơ thẩm đã tuyên.

Tại bản án dân sự phúc thẩm 04/2011/DS-PT ngày 12-01-2011 căn cứ khoản 3 Điều 275 của Bộ luật tố tụng dân sự tuyên hủy bản án sơ thẩm.

Sau khi cấp sơ thẩm xét xử lại. Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2014/DSST ngày 25-6-2014 của Tòa án nhân dân huyện TC đã xử:

Áp dụng khoản 5 Điều 25, Điều 33, Điều 35, khoản 1 Điều 131, khoản 2 Điều 199 khoản 1 Điều 202, của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 652, 656, 674, 675, 676 và Điều 677 của Bộ luật dân sự

Áp dụng Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án số: 10/2009/PL - UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Tuyên xử: Tuyên bố tờ di chúc cụ Võ Thị D lập ngày 10-4-2001 là không hợp pháp.

Không chấp nhận yêu cầu đơn khởi kiện của Bà Huỳnh Thị H về việc “Tranh chấp di sản thừa kế” với ông Huỳnh Văn Đ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí định giá tài sản, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09-7-2014 bà H kháng cáo yêu cầu hủy bản án dân sự sơ thẩm số 08/2014/DSST ngày 25-6-2014 của Tòa án nhân dân

huyện TC.

Tại bản án dân sự phúc thẩm 35/2015/DS-PT ngày 02-4-2015 căn cứ khoản 3 Điều 275 của Bộ luật tố tụng dân sự tuyên hủy bản án sơ thẩm giao cho Tòa án nhân dân huyện TC giải quyết lại.

Trong quá trình cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết lại nguyên đơn bà Huỳnh Thị H thay đổi nội dung không yêu cầu chia thừa kế theo di chúc mà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với các thửa đất mà hiện nay gia đình ông Đ đang quản lý sử dụng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2017/DS-ST ngày 16-11-2017 của Tòa án nhân dân huyện TC đã xử:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 165, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 634, 642, 674, 676, 677 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 76 luật đất đai năm 1993

Căn cứ Điều 4, Điều 167 Luật đất đai năm 2013

Căn cứ pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H yêu cầu ông Huỳnh Văn Đ chia lại cho bà quyền sử dụng đất đối với các thửa 854, 898, 901 tờ bản đồ số 08 đất tọa lạc tại ấp TĐ, xã HT, huyện TC, tỉnh TV và thửa đất số 52, 37, 38 tờ bản đồ số 5 đất tọa lạc tại ấp Cây Hẹ, xã Phú Cần, huyện TC, tỉnh TV cho rằng đất của cụ U, cụ D để lại.

Bà Huỳnh Thị H được tiếp tục sử dụng diện tích 827,7m<sup>2</sup> nằm một phần trong thửa 898.

Buộc ông Huỳnh Văn Đ có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Huỳnh Thị H số tiền 29.250,495 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên vị trí tứ cận và quyết định về án phí, lệ phí khảo sát, đo đạc, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, chịu lãi suất do chậm thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 21-11-2017 bà Huỳnh Thị H là nguyên đơn kháng cáo không đồng ý bản sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chia thừa kế theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật. Về nội dung : Đối với các thửa đất tranh chấp các bên đều thừa nhận có nguồn

gốc là của cha mẹ cụ U và cụ D. Việc ông Đ đứng tên các thửa đất tranh chấp cụ U và cụ D nhưng không có văn bản thể hiện việc tặng cho hay chuyển nhượng nên đề nghị Hội đồng xét xử xác định lại di sản thừa kế chia theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên có cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và Kiểm sát viên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H còn trong hạn luật định, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Các đương sự là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa ngày hôm nay nhưng đã có đơn xin vắng mặt và có văn bản ủy quyền cho người có mặt tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Trong quá trình giải quyết, bị đơn Ông Huỳnh Văn Đ chết ngày 07-4-2018 và con ông Đ tên Huỳnh Tấn Đ chết ngày 29-6-2018. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm đã đưa người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đ gồm: Bà Trần Thị Ngọc H (vợ ông Đ) và 04 người con tên Huỳnh Ngọc Đ, Huỳnh Tấn Ph, Huỳnh Ngọc H và bà Trần Thị L là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Huỳnh Tấn Đ để tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 74 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa hôm nay các bên đều thống nhất khi cha mẹ còn sống có tạo lập được 47 công đất và đã chia cho ông L khoảng 14 công, bà phân khoảng 12 công (vợ ông Trung), đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không ai tranh chấp phần này. Phần còn lại khoảng 22,5 công do gia đình ông Đ quản lý sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ thể: **Thửa đất số 854**, tờ bản đồ số 8 **diện tích 10.012 m<sup>2</sup>** (thực đo 9.766,7m<sup>2</sup>) loại đất trồng cây hàng năm, tọa lạc tại ấp TĐ, xã HT, huyện TC, tỉnh TV. Năm 2014 ông Đ đã chuyển quyền sử dụng đất cho các con gồm: Huỳnh Tấn Ph diện tích 4.548m<sup>2</sup> tách thành thửa 474; Huỳnh Ngọc Đ diện tích 2.684m<sup>2</sup> tách thành thửa 611 và Huỳnh Ngọc H diện tích 2.534,7m<sup>2</sup> tách thành thửa 610 đứng tên; **Thửa đất số 898**, tờ bản đồ số 8 **diện tích 4.290 m<sup>2</sup>** tọa lạc tại ấp TĐ, xã HT, huyện TC, tỉnh TV (đất có vòng bờ bao ngạn diện tích 1.040m<sup>2</sup>). Thửa đất này Nhà nước đã thu hồi diện tích 1.440m<sup>2</sup> làm kênh Bà Lãnh và diện tích 71,8m<sup>2</sup> đường Gom tổng số tiền bồi thường 86.429.400đ đã trả cho ông Đ 45.000.000 đồng, số tiền còn lại khi nào bản án có hiệu lực sẽ thi hành theo bản án. Sau khi trừ phần diện tích bà Phan đang quản lý sử dụng diện tích 624,3m<sup>2</sup> theo quyết định của bản án số 21/2017/DS-ST ngày 12-10-2017 nên **thực đo còn lại diện tích 3.225,4m<sup>2</sup>** (đất có vòng bờ bao ngạn diện tích 1.040m<sup>2</sup>) do hộ ông Đ đứng tên và đã lập hợp đồng tặng cho con Huỳnh Tấn Ph ngày 23/8/2014. Trên đất có căn nhà tình nghĩa của cụ U, cụ D để lại trên diện tích 827,7m<sup>2</sup> do bà H đang quản lý; **Thửa đất số 901**, tờ bản đồ số 8 **diện tích 2.160 m<sup>2</sup>** (thực đo

2.251,3m<sup>2</sup> trong đó diện tích HLAT Cầu là 1.075,5m<sup>2</sup>) tọa lạc tại ấp TĐ, xã HT, huyện TC, tỉnh TV, thửa đất này ông Đ cho Trung tâm mạng lưới MobiFone Miền Nam thuê xây dựng Ăng - ten. Thửa đất này ông Đ đã lập hợp đồng tặng cho con Huỳnh Tấn Ph ngày 23/8/2014; Thửa đất số 37 diện tích 2.110 m<sup>2</sup> (thực đo 2.076,3m<sup>2</sup>) và thửa số 38 diện tích 2.840m<sup>2</sup> (thực đo 2.810m<sup>2</sup>) cùng tờ bản đồ số 5, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Cây Hẹ, xã Phú Cần, huyện TC, tỉnh TV. Ngày 11/8/2014 ông Đ đã lập hợp đồng tặng cho bà H đứng tên quyền sử dụng đất; Thửa đất số 52 diện tích 3.080m<sup>2</sup> tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp Cây Hẹ, xã Phú Cần, huyện TC, tỉnh TV.

[4] Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, thấy rằng đất tranh chấp thuộc các thửa đất số 854, 898, 901, 37, 38, 52 có nguồn gốc do cụ Huỳnh Văn U kê khai năm 1983 đến năm 1991 ông Huỳnh Văn Đ kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1994. Việc biến động về người kê khai từ cụ U sang ông Đ là do ông Đ tự kê khai, trong hồ sơ không thể hiện văn bản thể hiện cụ U chuyển nhượng hay tặng cho ông Đ. Tuy nhiên, thời điểm ông Đ kê khai đứng tên các thửa đất trên cụ U và cụ D vẫn còn sống chung với gia đình ông Đ và biết được việc này nhưng không phản đối, các con cụ U cũng không ai tranh chấp gì. Do đó việc Ủy ban nhân dân cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho hộ ông Đ là có cơ sở.

[5] Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Huỳnh Văn Đ có 09 thành viên: Ông Huỳnh Văn U, cụ Võ Thị D, ông Huỳnh Văn Đ, Bà Trần Thị Ngọc H, anh Huỳnh Tấn Đ, chị Huỳnh Ngọc Đ, anh Huỳnh Tấn Ph, chị Huỳnh Ngọc H và bà Huỳnh Thị Thu Thủy. Trong đó, tại thời và tại thời điểm hộ ông Đ được cấp giấy chứng nhận thì anh Đ, chị Diễm, anh Ph, chị Hân là con của ông Đ chưa đủ 15 tuổi, chủ yếu sống phụ thuộc gia đình nên theo Điều 116 Bộ luật Dân sự 1995 thì những người này chưa đủ điều kiện để được công nhận quyền sử dụng đất. Do đó cấp sơ thẩm xác định cả 04 người con của ông Đ chưa chính xác, mà chỉ có 05 thành viên trong hộ ông Đ được công nhận quyền sử dụng đất và trong quá trình giải quyết bà Thủy không yêu cầu hưởng đối với phần đất này nên còn lại 04 thành viên hưởng quyền sử dụng đất.

[6] Cụ Huỳnh Văn U chết năm 2007, cụ Võ Thị D chết năm 2004, hai cụ là thành viên hộ gia đình ông Đ nên theo quy định tại Khoản 1, Điều 106 Luật đất đai năm 2003 và Điều 108 của Bộ luật Dân sự 2005 thì phần tài sản của cụ U và cụ D nằm trong khối tài sản chung của hộ ông Đ được xem là di sản thừa kế. Cụ thể, được xác định như sau:

+Thửa đất số 854, tờ bản đồ số 8 diện tích 9.766,7m<sup>2</sup> loại đất trồng cây hàng năm, mỗi thành viên được hưởng một phần diện tích 2.441,7m<sup>2</sup>. Trong đó, phần di sản của cụ U và cụ D có được diện tích 4.883,4m<sup>2</sup>, có giá trị 56.000 đồng/m<sup>2</sup> x 4.883,4m<sup>2</sup> = 273.470.400 đồng;

+Thửa đất số 901, tờ bản đồ số 8 diện tích 2.251,3m<sup>2</sup> (trong đó diện tích HLAT Cầu là 1.075,5m<sup>2</sup>) loại đất lúa, mỗi thành viên được hưởng một phần diện tích 562,8m<sup>2</sup>. Trong đó, phần di sản của cụ U và cụ D có được diện tích 1.125,6m<sup>2</sup>, có giá trị 56.000 đồng/m<sup>2</sup> x 1.125,6m<sup>2</sup> = 63.033.600 đồng;



+Thửa đất số 37 diện tích  $2.076,3m^2$  tờ bản đồ số 5, loại đất trồng lúa, mỗi thành viên được hưởng diện tích  $519,1m^2$ . Trong đó, phần di sản của cụ U và cụ D có được diện tích  $1.038,2m^2$ , có giá trị  $56.000 \text{ đồng}/m^2 \times 1.038,2m^2 = 58.139.200$  đồng;

+Thửa số 38 diện tích  $2.810m^2$  tờ bản đồ số 5, loại đất trồng lúa, mỗi thành viên được hưởng diện tích  $702,5m^2$ . Trong đó, phần di sản của cụ U và cụ D có được diện tích  $1.405m^2$ , có giá trị  $56.000 \text{ đồng}/m^2 \times 1.405m^2 = 78.680.000$  đồng;

+Thửa đất số 52 diện tích  $3.080m^2$  tờ bản đồ số 5, loại đất trồng lúa, mỗi thành viên được hưởng diện tích  $770m^2$ . Trong đó, phần di sản của cụ U và cụ D có được diện tích  $1.540m^2$ , có giá trị  $56.000 \text{ đồng}/m^2 \times 1.540m^2 = 86.240.000$  đồng;

+Thửa đất số 898, diện tích  $4.290m^2$ , tờ bản đồ số 8, loại đất trồng cây lâu năm. Sau khi Nhà nước đã thu hồi làm kênh Bà Lãnh và trừ phần đất bà Phần đang quản lý sử dụng diện tích  $624,3m^2$  theo quyết định của bản án số 21/2017/DS-ST ngày 12-10-2017 nên còn lại diện tích  $3.225,4m^2$ . Trên đất có căn nhà tình nghĩa của cụ U, cụ D để lại diện tích  $827,7m^2$  do bà H đang quản lý. Trong đó, phần di sản của cụ U và cụ D có được diện tích  $1.612,7m^2$ , có giá trị  $1.000.000 \text{ đồng}/m^2 \times 1.612,7m^2 = 1.612.700.000$  đồng;

+Đối với số tiền Nhà nước bồi thường về việc thu hồi diện tích  $1.440m^2$  làm kênh Bà Lãnh và diện tích  $71,8m^2$  làm đường Gom và vật kiến trúc, cây trồng trên đất của thửa 898 số tiền 86.429.400 đồng. Trong đó, phần di sản của cụ U và cụ D có được 43.214.700 đồng ((86.429.400 đồng : 04 thành viên) x 02 phần của cụ U, cụ D). Số tiền này ông Đ đã nhận 45.000.000 đồng, số tiền còn lại 41.429.400 đồng do Hội đồng bồi thường thuộc Ủy ban nhân dân huyện TC đang tạm giữ sẽ thi hành giao lại cho các đồng thừa kế của ông Đ gồm: Bà Trần Thị Ngọc H (vợ ông Đ) và 04 người con tên Huỳnh Ngọc Đ, Huỳnh Tấn Ph, Huỳnh Ngọc H và bà Trần Thị L là người kế thừa quyền của con ông Đ Huỳnh Tấn Đ để phân chia thừa kế khi bản án có hiệu lực pháp luật. Như vậy tổng di sản của cụ U, cụ D để lại có giá trị 2.215.477.900 đồng không phải toàn bộ các thửa đất trên do hộ ông Đ tên đứng như bà H yêu cầu nên cấp sơ thẩm không chấp nhận phân chia toàn bộ các thửa đất này là có cơ sở. Tuy nhiên, do cấp sơ thẩm xác định không đúng các thành viên trong hộ được công nhận quyền sử dụng đất trên làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các hàng thừa kế của cụ U, cụ D nên cấp phúc thẩm sửa phần này như đã phân tích trên.

[7] Xét thấy, cụ Huỳnh Văn U (chết năm 1997) và cụ Võ Thị D (chết 2004) có 06 người con chung là hàng thừa kế thứ nhất gồm: Ông Huỳnh Văn Xương (Hi sinh chưa có vợ con); Ông Huỳnh Văn Tr (chết năm 1974) có vợ là Huỳnh Thị Phần và 03 người con tên Huỳnh Thị H V, Huỳnh Văn Sang và Huỳnh Văn G; Ông Huỳnh Văn Đoàn (Hi sinh chưa có vợ con); Ông Huỳnh Văn L; Ông Huỳnh Văn Đ; Bà Huỳnh Thị H; Không có con riêng, không có con nuôi. Trong đó, Ông Huỳnh Văn L và các đồng thừa kế của ông Huỳnh Văn Tr (gồm Huỳnh Thị Phần, Huỳnh Thị H V, Huỳnh Văn Sang và Huỳnh Văn G) từ

chối nhận di sản thừa kế của cụ U, cụ D. Nên chỉ còn lại bà H và ông Đ là người thừa kế của cụ U, cụ D. Thấy rằng, ông Huỳnh Văn Đ từ khi lập gia đình đã sống chung với cụ U, cụ D, và các thửa đất trên được ông Đ gìn giữ, cải tạo làm tăng giá trị quyền sử dụng đất, cho nên Hội đồng xét xử nên giành cho ông Đ hưởng thêm 01 suất theo theo luật đối với di sản của cụ U, cụ D để lại trong các thửa 854, 901, 52, 37, 38 riêng thửa 898 thì chia đôi vì thửa 898 do bà H và ông Đ cùng quản lý. Tuy nhiên, hiện nay do ông Đ đã chết nên các hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ gồm: Bà Trần Thị Ngọc H (vợ ông Đ) và 04 người con tên Huỳnh Ngọc Đ, Huỳnh Tấn Ph, Huỳnh Ngọc H và bà Trần Thị L là người kế thừa quyền của con ông Đ Huỳnh Tấn Đ (Chết) được hưởng phần này. Cụ thể:

[8] Bà H được hưởng thừa kế di sản 1/3 trong khối di sản của cụ U, cụ D các thửa 854, 901, 52, 37, 38 giá trị 602.777.898 đồng/3 là 200.925.966 đồng và 1/2 di sản của cụ U, cụ D trong thửa 898 giá trị 1.612.700.000/2 là 806.305.000 đồng. Tổng cộng là **1.007.275.966 đồng**. Nhưng do trên đất thửa 898 có căn nhà tình nghĩa của cụ U, cụ D để lại các bên không tranh chấp nằm trong diện tích 827,7m<sup>2</sup> hiện nay bà H đang quản lý nên cần giao cho bà H được sử dụng phần đất này và được trừ phần tương ứng với giá trị phần diện tích 827,7m<sup>2</sup> x 1.000.000 đồng/m<sup>2</sup> = 827.700.000 đồng nên giá trị di sản thừa kế còn lại bà H được nhận là 1.007.275.966 đồng - 827.700.000 đồng = **179.575.966 đồng**.

[9] Phần còn lại giá trị di sản thừa kế 1.409.127.898 đồng, các hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ gồm: Bà Trần Thị Ngọc H (vợ ông Đ) và 04 người con tên Huỳnh Ngọc Đ, Huỳnh Tấn Ph, Huỳnh Ngọc H và bà Trần Thị L được nhận thừa kế tương ứng với phần đất là di sản của cụ U, cụ D để lại mà hiện nay đã được ông Đ cho Trung tâm mạng lưới Mobiphone Miền Mam thuộc Tổng công ty Viễn Thông Mobiphone xây Ăng-ten và lập hợp đồng sang tên cho bà H cùng các con. Do đó, các thừa kế của ông Đ được tiếp tục hợp đồng với Trung tâm mạng lưới Mobiphone Miền Mam thuộc Tổng công ty Viễn Thông Mobiphone và không cần thiết phải hủy giấy chứng nhận như nguyên đơn yêu cầu.

[10] Chấp nhận lời đề nghị của vị Đ diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm.

[11] Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 165, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 634, 642, 674, 676, 677 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 76 luật đất đai năm 1993

Căn cứ Điều 4, Điều 167 Luật đất đai năm 2013

Căn cứ pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị H.  
2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 11/2017/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện TC.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H yêu cầu ông Huỳnh Văn Đ chia lại cho bà quyền sử dụng đất đối với các thửa 854, 898, 901 tờ bản đồ số 08 đất tọa lạc tại ấp TĐ, xã HT, huyện TC, tỉnh TV và thửa đất số 52, 37, 38 tờ bản đồ số 5 đất tọa lạc tại ấp Cây He, xã Phú Cần, huyện TC, tỉnh TV.

4. Bà Huỳnh Thị H được tiếp tục sử dụng diện tích 827,7m<sup>2</sup> nằm một phần trong tổng diện tích 3.225,4m<sup>2</sup> thuộc thửa 898, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp TĐ, xã HT, huyện TC, tỉnh TV, có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp rạch kích thước 19,2m

Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa 898 kích thước 22,5m

Hướng Bắc giáp phần còn lại của thửa 898 kích thước 39,8m

Hướng Nam giáp đường Bê tông kích thước 39,7m

(Kèm theo sơ đồ thửa đất số 247/TL-CNVPKĐĐ ngày 24-10-2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện TC)

5. Bà Huỳnh Thị H có nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền thực hiện đăng ký quyền sử dụng đất như quyết định trên. Đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 898, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp TĐ, xã HT, huyện TC, tỉnh TV để thực hiện việc cấp lại theo quyết định trên cho các đương sự khi có yêu cầu.

6. Buộc các hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ gồm: Bà Trần Thị Ngọc H, chị Huỳnh Ngọc Đ, anh Huỳnh Tấn Ph, chị Huỳnh Ngọc H và chị Trần Thị L phải có nghĩa vụ hoàn lại giá trị di sản thừa kế cho bà Huỳnh Thị H số tiền 179.575.966 đồng (Một trăm bảy mươi chín triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn chín trăm sáu mươi sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Các hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ gồm: Bà Trần Thị Ngọc H, chị Huỳnh Ngọc Đ, anh Huỳnh Tấn Ph, chị Huỳnh Ngọc H và chị Trần Thị L được hưởng phần còn lại giá trị di sản thừa kế của cụ U, cụ D là 1.409.127.898 đồng

tương ứng với diện tích quyền sử dụng đất của các thửa 898, 901, 854 (sau khi được tách diện tích 827,7m<sup>2</sup> trong thửa 898 cho bà H), tờ bản đồ số 08 đất tọa lạc tại ấp TĐ, xã HT, huyện TC, tỉnh TV và thửa đất số 52, 37, 38 tờ bản đồ số 5 đất tọa lạc tại ấp Cây Hẹ, xã Phú Cần, huyện TC, tỉnh TV theo như hiện trạng đã được cấp giấy chứng nhận. Bà Huỳnh Thị H phải có trách nhiệm giao trả thửa đất số 37, 38 tờ bản đồ số 5 đất tọa lạc tại ấp Cây Hẹ, xã Phú Cần, huyện TC, tỉnh TV cho các hàng thừa kế của ông Đ như đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có sơ đồ thửa đất kèm theo. Cụ thể:

\* Phần đất thửa 37 diện tích 2076,3m<sup>2</sup> loại đất LUC tờ bản đồ số 5 đất tọa lạc tại ấp Cây Hẹ, xã Phú Cần, huyện TC, tỉnh TV có vị trí tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp thửa 36 cạnh dài 54,1 mét;

Hướng Tây giáp thửa 48 cạnh dài 53,9 mét;

Hướng Nam giáp thửa 38 cạnh dài 37,6 mét;

Hướng Bắc giáp kênh cạnh dài 39,8 mét.

\* Phần đất thửa 38 diện tích 2810m<sup>2</sup> loại đất LUC tờ bản đồ số 5 đất tọa lạc tại ấp Cây Hẹ, xã Phú Cần, huyện TC, tỉnh TV có vị trí tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp thửa 35 và thửa 36 cạnh dài 78,2 mét;

Hướng Tây giáp thửa 39 cạnh dài 10,3 mét và giáp thửa 47 cạnh dài 65,1 mét;

Hướng Nam giáp thửa 39 cạnh dài 11,3 mét và giáp thửa 40 cạnh dài 27,2 mét;

Hướng Bắc giáp thửa 37 cạnh dài 37,6 mét.

8. Về chi phí thẩm định, định giá: Tổng chi phí 16.663.143 đồng do bà Huỳnh Thị H đã nộp tạm ứng xong. Buộc bà Huỳnh Thị H và các hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ gồm: Bà Trần Thị Ngọc H, chị Huỳnh Ngọc Đ, anh Huỳnh Tấn Ph, chị Huỳnh Ngọc H và chị Trần Thị L mỗi bên phải chịu 8.331.571 đồng (Tám triệu ba trăm ba mươi một ngàn năm trăm bảy mươi một đồng). Bà H được nhận lại 8.331.571 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu sau khi thu từ các hàng thừa kế của ông Đ.

9. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Huỳnh Thị H phải chịu 42.218.278 đồng án phí dân sự sơ thẩm, do bà Huỳnh Thị H có đơn xin miễn tiền án phí do hoàn cảnh kinh tế khó khăn được Ủy ban nhân dân xã Hiếu Tử xác nhận nên Hội đồng xét xử miễn giảm cho bà H 50% tiền án phí phải chịu nên bà H còn phải nộp số tiền 21.109.139 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.963.362đ theo biên lai thu tiền số 0003109, 0005075 ngày 23 tháng 02 năm 2010, ngày 26 tháng 5 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TC. Bà H còn phải nộp thêm 13.145.813 đồng (mười ba triệu một trăm bốn mươi lăm ngàn tám trăm mười ba đồng).

Buộc các hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ gồm: Bà Trần Thị Ngọc H, chị Huỳnh Ngọc Đ, anh Huỳnh Tấn Ph, chị Huỳnh Ngọc H và chị Trần Thị L phải

nộp 54.273.836 (Năm mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi ba ngàn tám trăm ba mươi sáu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

10. Về án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền 0011823 ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TC.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDTC;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện TC;
- CCTHADS huyện TC;
- Các đương sự;
- L HS,TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tổng Văn Viên**